|  |  |
| --- | --- |
| **SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO****BẮC NINH****¯¯¯¯¯¯¯¯¯** | **CHUYÊN ĐỀ ÔN TẬP****KỲ THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2023****Môn: Địa lí****¯¯¯¯¯¯¯¯** |

**Người biên soạn:** GV Hà Thị Hoa Thơm

 **Đơn vị công tác:** Trung tâm GDTX tỉnh Bắc Ninh

 **CHUYÊN ĐỀ: VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP.**

**1. MỤC TIÊU:**

 **1.1. Về kiến thức:**

- Hiểu được sự phát triển ngành trồng trọt và chăn nuôi ở nước ta.

 - Giải thích được sự phân bố ngành nông nghiệp nước ta: trồng trọt và chăn nuôi.

-Chứng minh được xu hướng chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp.

 **1.2. Về kỹ năng:**

- Sử dụng bản đồ, Atlat để trình bày được cơ cấu nông nghiệp và sự phân bố các cây trồng vật nuôi.

- Đọc và phân tích biểu dồ

**II. KIẾN THỨC CƠ BẢN.**

**1. Ngành trồng trọt:** chiếm gần 75% giá trị sản xuất nông nghiệp.

**a. Sản xuất lương thực.**

**\* Vai trò:**

+ Đảm bảo an ninh lương thực.

+ Cung cấp thức ăn cho chăn nuôi

+ Là nguồn hàng xuất khẩu.

+ Đa dạng hóa sản xuất nông nghiệp.

**\* Điều kiện phát triển: (**Điều kiện tự nhiên, tài nguyên)

+ Thuận lợi

- Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa => phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới với khả năng thâm canh, tăng vụ, đa dạng hóa cơ cấu cây trồng cao

- Địa hình và đất trồng cho phép phát triển thế mạnh khai thác khác nhau giữa các vùng đó là tạo nên các hệ thống canh tác khác nhau.

- Đồng bằng nhóm đất phù sa có độ phì cao, quy mô diện tích lớn với địa hình khá bằng phẳng thuận lợi cho thâm canh, tăng vụ, xen canh gối vụ, thích hợp với cơ giớ hóa, xây dựng các vùng chuyên canh, các loại cây ngắn ngày (chủ yếu là lúa)

- Trung du miền núi nhóm đất feralit chủ yếu phân bố ở vùng núi thích hợp trồng cây ăn quả, cây công nghiệp dài ngày => thuận lợi hình thành các vùng chuyên canh cây công nghiệp với quy mô lớn.

- Tài nguyên nước dồi dào đảm bảo cung cấp nước tưới cho nông nghiệp

- Tài nguyên sinh vật phong phú => đa dạng hóa cơ cấu cây trồng vật nuôi

+ Khó khăn:

 - Thiên tai (bão, lũ lụt, hạn hán), sâu bệnh thường xuyên.

**\* Tình hình sản xuất cây lúa: (THÀNH TỰU):**

|  |  |
| --- | --- |
| Diện tích | Tăng do mở rộng diện tích và tăng vụ, năm 2019 diện tích lúa cả nước gần 7,5 triệu ha |
| Cơ cấu mùa vụ | Có nhiều thay đổi vụ trong đó vụ đông xuân là vụ chính có diện tích gieo trồng và sản lượng lớn nhất, vụ mùa có xu hướng giảm vụ hè thu tăng |
| Năng suất | Tăng mạnh, năm 2019 đạt 58,2 /ha(2019) do áp dụng các biện pháp thâm canh trong nông nghiệp, đưa vào sử dụng đại trà các giống mới |
| Sản lượng lúa | Sản lượng tăng mạnh. Đạt 43,5 triệu tấn (2019) |
| Bình quân lương thực | 499.9 kg/người (2019) ĐBS cửu Long có mức bình quân đạt 1416.9 kg/người |
| Tình hình xuất khẩu | Là một trong những nước xuất khẩu gạo hàng đầu thế giới, đạt 6.34 triệu tấn (2019) |
| Các vùng trọng điểm | -ĐBS Cửu Long chiếp 50% diện tích và sản lượng-ĐBSH chiếm 20% sản lượng lúa và là vùng có năng suất lúa cao nhất cả nước |
| Các tỉnhTrọng điểm | AN Giang, Kiên Giang, Tiền Giang, Đồng Tháp, Sóc Trăng, Cần Thơ, Long An, Thái Bình… |

**\* Giải thích:**

- Đường lối chính sách nhà nước thúc đẩy nông nghiệp phát triển.

- Đẩy mạnh thâm canh tăng vụ, đưa giống mới có năng suất cao vào sản xuất, áp dụng KHKT tiên tiến.

- Đầu tư cơ sở vật chất, kĩ thuật,thủy lợi, phân bón, thuốc trừ sâu…

- Nhu cầu thị trường trong và ngoài nước.

**b. Sản xuất cây thực phẩm (giảm tải)**

**c. Sản xuất cây công nghiệp và cây ăn quả**

**\* Điều kiện:**

- Thuận lợi :

+ Khí hậu nhiệt đới gió mùa, lượng nhiệt, ẩm lớn.

+ Nhiều loại đất thích hợp với nhiều loại cây công nghiệp.

+ Nguồn lao động dồi dào, mạng lưới các cơ sở chế biến ngày càng phát triển.

+ Nhu cầu thị trường rất lớn, chính sách phát triển của nhà nước.

- Khó khăn :

+ Khí hậu nóng, ẩm, mưa nhiều dễ gây xói mòn đất, sâu bệnh, hạn hán, lũ lụt...

+ Thị trường thế giới biến động, sản phẩm của ta chưa đáp ứng được yêu cầu của thị trường khó tính.

**\* Vai trò của sản xuất cây công nghiệp:**

- Giá trị sản xuất cây công nghiệp lâu năm chiếm tỉ trọng cao nhất trong giá trị sản xuất cây công nghiệp.

- Tạo nguồn nguyên liệu cho công nghiệp chế biến

- Là mặt hàng xuất khẩu quan trọng, giá trị cao.

- Việc hình thành các vùng chuyên canh qui mô lớn, góp phần giải quyết việc làm, phân bố lại dân cư và lao động trên cả nước.

-Thúc đẩy sự phát triển KT-XH ở những vùng còn nhiều khó khăn, hạn chế du canh, du cư.

**\* Hiện trạng:**

- Nước ta chủ yếu trồng cây công nghiệp có nguồn gốc nhiệt đới, ngoài ra còn có một số cây có nguồn gốc cận nhiệt.

- Diện tích nhìn chung đều tăng năm 2019 là 2,7 triệu ha.

 *-* Cây công nghiệp lâu năm:

+ Có xu hướng tăng cả về năng suất, diện tích, sản lượng. Diện tích là 2,19 triệu ha năm 2019.

+ Đóng vai trò quan trọng trong cơ cấu sản xuất cây công nghiệp.

+ Nước ta đã hình thành được các vùng chuyên canh cây công nghiệp lâu năm với qui mô lớn.

+ Các cây công nghiệp lâu năm chủ yếu : cà phê, cao su, hồ tiêu, dừa, chè.

- Cây công nghiệp hàng năm:

+ Diện tích năm 2019 là 520.600 nghìn ha.

+ Bao gồm: mía, lạc, đậu tương, bông, đay, cói, dâu tằm, thuốc lá.

**\* Phân bố:**

- Cây công nghiệp lâu năm:

+ Đứng hàng đầu thế giới về xuất khẩu cà phê, điều và hồ tiêu.

+ Cà phê: Tây Nguyên, Đông Nam Bộ, Bắc Trung Bộ , Tây Bắc (cà phê chè) .

+ Cao su: Đông Nam Bộ,Tây Nguyên, Duyên hải miền Trung.

+ Hồ tiêu: Tây Nguyên, Đông Nam Bộ, duyên hải miền Trung.

+ Điều: Đông Nam Bộ.

+ Dừa: ĐBSCL, duyên hải Nam Trung Bộ.

+ Chè: trung du và miền núi Bắc Bộ, Tây Nguyên ( nhất là tỉnh Lâm Đồng).

- Cây công nghiệp hằng năm:

+ Mía: đồng bằng sông Cửu Long, Đông Nam Bộ và Duyên hải miền Trung.

+ Lạc: đồng bằng Thanh – Nghệ - Tĩnh, Đông Nam Bộ, Đắk Lắk.

+ Đậu tương: trung du và miền núi Bắc Bộ, Đắk Lắk, Hà Tây và Đồng Tháp.

+ Đay: đồng bằng sông Hồng,

+ Cói: ven biển Ninh Bình, Thanh Hóa.

- Cây ăn quả:

Vùng cây ăn quả lớn nhất: ĐB sông Cửu Long, Đông Nam Bộ, Trung du Bắc Bộ. Các loại cây: chuối, cam, xoài, nhãn, vải thiều, chôm chôm và dừa…

**2. Ngành chăn nuôi.**

**a. Tình hình chung:**

- Tỉ trọng ngành chăn nuôi còn nhỏ (so với trồng trọt) nhưng đang có xu hướng tăng.

- Xu hướng phát triển của ngành chăn nuôi hiện nay:

 *+* Ngành chăn nuôi tiến mạnh lên sản xuất hàng hoá.

 *+* Chăn nuôi trang trại theo hình thức công nghiệp.

 *+* Các sản phẩm không qua giết mổ như: trứng, sữa chiếm tỉ trọng ngày càng cao.

**b. Điều kiện phát triển ngành chăn nuôi nước ta.**

-Thuận lợi:

+ Cơ sở thức ăn cho chăn nuôi được đảm bảo tốt hơn (hoa màu, lương thực, đồng cỏ, phụ phẩm ngành thủy sản thức ăn chế biến công nghiệp).

+ Các dịch vụ về giống, thú y đã có nhiều tiến bộ và phát triển rộng khắp

+ Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa thuận lợi cho sinh trưởng và phát triển của đàn gia sức, gia cầm

+ Mạng lưới dịch vụ về giống, thú y đã có nhiều tiến bộ và phát triển rộng khắp.

+ Dân số đông, nguồn lao động dồi dào, thị trường tiêu thụ sản phẩm lớn và được mở rộng cả trong và nước ngoài.

+ Đường lối chính sách phát triển của Nhà Nước tạo điều kiện khuyến khích cho ngành chăn nuôi ngày càng phát triển mạnh mẽ hơn.

 *-* Khó khăn:

 + Hiệu quả chăn nuôi chưa thật cao và ổn định

 + Giống gia sức, gia cầm cho năng suất còn thấp, chất lượng chưa cao (nhất là cho yêu cầu xuất khẩu)

 + Dịch bệnh hại gia sức, gia cầm vẫn đe dọa lan tràn trên diện rộng.

**c. Tình hình phát triển và phân bố:**

- Chăn nuôi lợn và gia cầm:

+ Đàn lợn: 27,4 triệu con năm 2018, cung cấp ¾ sản lượng thịt các loại. Nuôi nhiều ở 2 đồng bằng lớn.

+ Chăn nuôi gia cầm tăng mạnh: năm 2018, số lượng đàn gia cầm cả nước đạt 409 triệu con, trong đó có 317 triệu con gà (chiếm 77,5%); 92 triệu con thủy cầm (chiếm 22,5%). Nuôi nhiều ở 2 đồng bằng lớn.

-Chăn nuôi gia súc ăn cỏ: (HS đọc thêm SGK)

**III. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM.**

 **CÂU 63: BỘ** Sản xuất cây hàng năm ở nước ta hiện nay

**A.** được thúc đẩy theo hướng hàng hóa. **B.** chỉ dùng làm thức ăn để chăn nuôi,

**C.** tập trung phần lớn ở khu vực đồi núi. **D.** hoàn toàn tập trung cho cây lúa gạo.

**Câu 1**: Yếu tố nào sau đây tác động chủ yếu đến việc sản xuất theo hướng hàng hóa trong chăn nuôi ở nước ta hiện nay?

**A.**trình độ lao động được nâng cao**. B.**nhu cầu thị trường tăng nhanh

**C.** dịch vụ thú y có nhiều tiến bộ. . **D**. cơ sở thức ăn được đảm bảo hơn.

**Câu 2:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng về chăn nuôi nước ta hiện nay

**A.**Cơ sở thức ăn đã đảm bảo hơn **. B.** Sản phẩm chủ yếu để xuất khẩu

**C.** Dịch vụ thú y có nhiều tiến bộ. . **D**. Sản xuất theo hướng hàng hóa.

**Câu 3:** Yếu tố nào sau đây là chủ yếu làm cho hiệu quả chăn nuôi nước ta chưa ổn định?

**A**.cơ sở chuồng trại ở nhiều nơi có quy mô còn nhỏ.

**B.**lao động có trình độ kĩ thuật cao còn chưa nhiều.

**C**.dịch bệnh hại vật nuôi vẫn đe dọa trên diện rộng.

**D.**việc sử dụng giống năng suất cao chưa phổ biến.

**Câu 4:** Chăn nuôi lợn tập trung nhiều ở các đồng bằng lớn của nước ta chủ yếu là do

**A.**thị trường tiêu thụ lớn, lao động có kinh nghiệm.

**B**.lao động có kinh nghiệm, dịch vụ thú y đảm bảo.

**C.**dịch vụ thú y đảm bảo, nguồn thức ăn phong phú.

**D**.nguồn thức ăn phong phú, thị trường tiêu thụ lớn.

**Câu 5:** Cây công nghiệp hàng năm ở nước ta hiện nay

 **A.** chỉ phân bố tập trung ở vùng núi.  **B.** phần lớn có nguồn gốc cận nhiệt.

 **C.** được trồng theo hướng tập trung. **D.** có cơ cấu cây trồng chưa đa dạng.

**Câu 6:** Cây lương thực ở nước ta hiện nay

**A.** tạo được các sản phẩm xuất khẩu. **B.** chỉ phân bố ở khu vực đồng bằng.

**C.** chủ yếu là cây lúa gạo và lúa mì. **D.** hầu hết phục vụ cho chăn nuôi.

**Câu 7:** Cây công nghiệp lâu năm ở nước ta hiện nay

**A.** có cơ cấu cây trồng chưa đa dạng. **B.** chỉ phân bố trên các cao nguyên.

**C.** chủ yếu là có nguồn gốc cận nhiệt **D.** tạo được các sản phẩm xuất khẩu.

**Câu 8:** Cây ăn quả ở nước ta hiện nay

**A.** tạo được các sản phẩm xuất khẩu. **B.** có cơ cấu cây trồng chưa đa dạng.

**C.** chỉ phân bố tập trung ở vùng núi. **D.** chủ yếu là có nguồn gốc ôn đới.

**Câu 9:** Những thành tựu quan trọng nhất của sản xuất lương thực ở nước ta trong những năm qua là

 **A.** cơ cấu mùa vụ có nhiều thay đổi.

 **B.** diện tích và sản lượng tăng nhanh.

 **C.** nhiều giống lúa mới được đa vào sản xuất.

 **D.** đảm bảo nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

**Câu 10:** Sản lượng lúa của nước ta tăng trong những năm gần đây chủ yếu là do

 **A.** tăng diện tích lúa mùa. **B.** đa dạng hóa nông nghiệp.

 **C.** đẩy mạnh công nghiệp chế biến. **D.** đẩy mạnh thâm canh.

**Câu 11:** Cơ cấu giá trị sản xuất ngành trồng trọt nước ta hiện nay

 **A.** giảm tỉ trọng cây lương thực, tăng tỉ trọng cây công nghiệp.

 **B.** cây công lâu năm, cây ăn quả luôn chiếm tỉ trọng cao nhất.

 **C.** cây ăn quả và cây thực phẩm chiếm tỉ trọng lớn, tăng nhanh.

 **D.** giảm tỉ trọng cây công nghiệp, tăng tỉ trọng cây lương thực.

**Câu 12:** Ngành trồng cây công nghiệp lâu năm nước ta hiện nay

 **A.** phân bố đồng đều khắp tất cả các nơi. **B.** chưa đáp ứng được thị trường khó tính.

 **C.** phát triển mạnh hình thức quảng canh. **D.** chỉ tập trung phát triển ở các vùng núi.

**Câu 13:** Khó khăn chính ảnh hưởng đến việc phát triển cây ăn quả ở nước ta hiện nay là

**A.** chưa đầu tư công nghiệp chế biến. **B.** thị trường tiêu thụ nhiều biến động.

**C.** cơ cấu sản phẩm còn kém đa dạng. **D.** chưa tạo được thương hiệu sản phẩm.

**Câu 14:** Ngành trồng trọt của nước ta hiện nay

 **A.** chủ yếu tập trung sản xuất hàng hóa cho xuất khẩu.

 **B.** không phụ thuộc nhiều vào điều kiện tự nhiên.

 **C.** chiếm tỉ trọng lớn trong giá trị sản xuất nông nghiệp.

 **D.** có kĩ thuật sản xuất hiện đại ở tất cả các vùng.

**Câu 15:** Sản xuất cây công nghiệp ở nước ta hiện nay

 **A**. tăng chất lượng sản phẩm xuất khẩu chủ lực.

 **B.** phát triển mạnh ở khắp các vùng trên cả nước.

 **C.** tập trung đầu tư nhiều hơn cho cây hàng năm.

 **D.** các vùng đều có công nghệ chế biến hiện đại.

**Câu 16:** Chăn nuôi gia cầm ở nước ta

 **A.** tăng liên tục về số lượng vật nuôi. **B.** phát triển rất mạnh ở các vùng núi.

 **C.** còn chịu ảnh hưởng của dịch bệnh. **D.** cung cấp sản lượng thịt lớn nhất.

**Câu 17**: Chăn nuôi lợn và gia cầm nước ta tập trung nhiều ở

 **A** Đồng bằng sông Cửu Long, Đông Nam Bộ

 **B.** Đồng bằng sông Hồng, Đồng bằng sông Cửu Long

 **C**. Đồng bằng sông Hồng, Bắc Trung Bộ

 **D.** Đồng Bằng sông Hồng, Đông Nam Bộ

**Câu 18:** Việc mở rộng chuyên canh cây công nghiệp ở vùng núi nước ta cần gắn liền với

 **A.** sản xuất lương thực và thực phẩm. **B.** vấn đề phát triển công tác thủy lợi.

 **C.** vấn đề bảo vệ và phát triển rừng. **D.** nâng cao chất lượng cuộc sống dân cư.

**Câu 19:** Vùng trồng cói lớn nhất nước ta là ven biển tỉnh

**A.** Ninh Bình, Thanh Hóa. **B.** Thái Bình, Nam Định.

 **C.** Ninh Bình, Nam Định. **D.** Thái Bình, Thanh Hóa.

**Câu 20:** Việc đảm bảo an ninh lương thực ở nước ta là cơ sở để

 **A.** chuyển dịch cơ cấu cây trồng. **B.** phát triển công nghiệp và dịch vụ

 **C.** đảm bảo an ninh quốc phòng.  **D.** đa dạng hóa sản xuất nông nghiệp.